

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 47/2023/DS-ST

Ngày 02-6-2023

*V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng
hóa*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Khel

Ông Dư Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trình Cẩm T – Chủ hộ kinh doanh T2.

Địa chỉ: Số B ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Minh T1, sinh năm: 1995 (Có mặt). Địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 29/3/2023).

2. Bị đơn: Ông Lê Trúc G, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số H P, khóm G, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Lê Thị Trúc H, sinh năm: 1984 (có mặt). Địa chỉ: Số H P, khóm G, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 05/4/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 3 năm 2023 của nguyên đơn ông Trình Cẩm T – Chủ hộ kinh doanh T2, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Minh T1 trình bày:

Năm 2016 hộ kinh doanh T2 do ông T làm đại diện có thực hiện việc mua bán thức ăn với ông Lê Trúc G. Các bên giao kết bằng văn bản ngày 27/7/2016 và ngày 11/02/2020 để củng cố hồ sơ nên hai bên lập với nhau hợp đồng mua bán, giao dịch qua sổ giao nhận hàng và tiền ghi tên “Anh Trúc G”.

Theo thỏa thuận, ông T bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông G. Hàng hóa được nhân viên giao hàng giao tận nơi hoặc ông G hoặc người nhà xuống lấy tại kho của ông T hoặc tại kho hàng tổng trên thành phố S. Ông G tiến hành kiểm tra và ký biên bản đối chiếu xác nhận công nợ khi ông T yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch tôm, ông G phải thanh toán hết tiền hàng cho ông T. Trường hợp xét thấy công nợ cao hoặc sau khi thu hoạch tôm ông G vẫn không thanh toán tiền hàng ông T có quyền cắt hàng và đề nghị ông G thanh toán hết số tiền hàng còn nợ cho ông T. Thời điểm cắt hàng được xem là thời điểm chấm dứt hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện giao dịch ông T đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của ông G. Sau khi nhận hàng ông G không hề phàn nàn hay có khiếu nại gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà ông T đã giao. Ông T đã thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng nhưng ông G không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, cụ thể: đến cuối vụ tôm (trường hợp thất tôm vẫn không đương nhiên làm mất đi nghĩa vụ thanh toán) ông G không thanh toán tiền hàng cho ông T mặc dù ông T đã cử nhân viên đến nhà và gọi điện nhắc nhở nhiều lần nhưng ông G chỉ gửi trả thêm 02 lần, vào ngày 11/6/2021 trả 100.000.000 đồng và ngày 17/01/2023 trả 50.000.000 đồng qua hình thức chuyển khoản, còn nợ lại 488.670.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Trúc G trả cho ông Trình Cẩm T – Chủ hộ kinh doanh T2 số tiền gốc còn nợ 488.670.000 đồng, không yêu cầu tính lãi nhưng khi bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật thì yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ tương ứng với lãi suất 10%/năm cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

- *Tại phiên hòa giải ngày 10/4/2023, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị Trúc H trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn về số tiền hiện nay ông Lê Trúc G còn nợ nguyên đơn là 488.670.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền nợ này là do anh G đứng ra nhận nợ thay cho ông Hoàng Xuân V ở Hà Nội. Lý do ông V thuê đất của gia đình ông G để nuôi tôm, nhưng do ông V là người ở xa lại nên phía ông G mới đứng ra ký hợp đồng mua bán với nguyên đơn. Việc thỏa thuận giữa ông G và ông V chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Hiện nay bị đơn cũng thừa nhận có ký kết các hợp đồng, ký công nợ như nguyên đơn trình bày là đúng. Ông G mua thức ăn để nuôi tôm. Nhưng nay hoàn cảnh kinh tế ông G rất khó khăn, không có nguồn trả nợ. Ông G đồng ý trả số nợ trên, xin trả số tiền 488.670.000 đồng theo hình thức trả dần 24 kỳ, bắt đầu trả từ tháng 08/2023, mỗi tháng trả 20.361.250 đồng cho đến khi hết nợ.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:*

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như:

Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 72, 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi **phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

Những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 488.670.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông **Trình Cẩm T** – Chủ hộ kinh doanh **T2** khởi kiện yêu cầu bị đơn ông **Lê Trúc G** trả tiền nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm, bị đơn **G** có địa chỉ: **Số H P, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng**. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

[2] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do nguyên đơn cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa ông **Trình Cẩm T** – Chủ hộ kinh doanh **T2** và ông **Lê Trúc G** có giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 27/7/2016 và ngày 11/02/2020, theo đó bản đối chiếu công nợ ngày 26/10/2022 thì ông **G** còn nợ ông **T** số tiền 538.670.000 đồng, sau khi đối chiếu công nợ thì đến tháng 01/2023 ông **G** trả cho ông **T** số tiền 50.000.000 đồng và sau đó không trả nữa. Tính đến ngày 17/01/2023 ông **G** còn nợ ông **Trình Cẩm T** – Chủ hộ kinh doanh **T2** số tiền 488.670.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận bị đơn **G** còn nợ nguyên đơn số tiền 488.670.000 đồng nhưng hiện nay ông **G** đang gặp khó khăn, không có tài sản và nguồn trả nợ và xin trả dần số tiền trên thành 24 kỳ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu được trả số tiền 488.670.000 đồng theo hình thức trả dần 24 kỳ, bắt đầu trả từ tháng 08/2023, mỗi tháng trả 20.361.250 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, yêu cầu này không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không có

cơ sở xem xét. Yêu cầu này sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị Kiểm sát viên về nội dung là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí đối phần có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 430; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trình Cẩm T – Chủ hộ kinh doanh T2. Buộc bị đơn ông Lê Trúc G có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trình Cẩm T – Chủ hộ kinh doanh T2 số tiền 488.670.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Nguyên đơn ông Trình Cẩm T – Chủ hộ kinh doanh T2 không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Trình Cẩm T – Chủ hộ kinh doanh T2 số tiền tạm ứng án phí là 11.773.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007615 ngày 13/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

3.2. Bị đơn ông Lê Trúc G phải chịu án phí số tiền 11.773.400 đồng.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Thi hành án DS - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bích Tuyền